

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2021/2024/DS-ST

Ngày: 23/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Lợi;
- Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1621/2022/TLST-DS ngày 25/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1703/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2437/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Hoàng Y, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Lâm Vô, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: 293/34 Đường H, Tổ 24, Khu T, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(theo văn bản ủy quyền công chứng số 2054, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 23/9/2023 tại Văn phòng công chứng số 01).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1989 – (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 676/38 đường T, khu phố B, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Bà Y và gia đình ông H có mối quan hệ quen biết với nhau rất lâu năm. Do nhu cầu cần vốn làm ăn nên ông H có gặp bà Y để vay tiền 02 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 01/3/2014 ông Nguyễn Thanh H vay của bà Y số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng); Lãi suất các bên thỏa thuận 2,5% tháng; Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 01/3/2014 đến ngày 01/3/2015;

- Lần 2: Ngày 20/4/2016 ông Nguyễn Thanh H vay bà Y số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); Lãi suất các bên thỏa thuận: 2,5%/tháng; Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 18/4/2016 đến ngày 18/10/2016;

Tuy trong hợp đồng vay tiền bà Y và ông H có thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay nhưng sau khi vay mượn tiền của bà Y thì ông H làm ăn thất bại không có khả năng thanh toán khoản nợ vay như đã cam kết. Từ khi vay tiền của bà Y đến năm 2023, ông Nguyễn Thanh H đã trả cho bà Y được số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), bà Y không tính lãi suất đối với ông H. Do tin tưởng nhau, nên khi trả tiền, ông H và bà Y không làm giấy tờ xác nhận số tiền đã trả và số tiền còn nợ lại là bao nhiêu. Tổng số tiền mà hiện nay ông H còn nợ bà Y là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), bà Y đã nhiều lần gọi điện thoại và gặp trực tiếp để yêu cầu ông H trả nhưng ông H hứa hẹn và trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của mình. Nhận thấy ông H đã không thực hiện nghĩa vụ của mình như cam kết ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nên bà Y đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn lại là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), bà Y không yêu cầu ông H trả tiền lãi.

(2) Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt không có lý do, khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm mở lần thứ hai: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không có giao nộp tài liệu chứng cứ, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, áp dụng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Mai Thị Hoàng Y với ông Nguyễn Thanh H phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H (là người có nghĩa vụ) đã đăng ký

cư trú tại thành phố Thủ Đức, khi tiến hành giao kết hợp đồng vay mượn tiền có cung cấp cho nguyên đơn sổ căn cước công dân và nơi đăng ký thường trú ghi trên hợp đồng là căn nhà số 676/38 đường Tỉnh lộ 43, khu phố 3, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp ông H thay đổi nơi ở mà không thông báo cho nguyên đơn biết, thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ Hợp đồng vay vốn ngày 01/3/2014 và Hợp đồng vay vốn ngày 20/4/2016 ký kết giữa các bên, áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bà Mai Thị Hoàng Y có cho ông Nguyễn Thanh H vay tiền với tổng số tiền cho vay là 660.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 01/3/2014, ông Nguyễn Thanh H vay của bà Y số tiền 260.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận 2,5% tháng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 01/3/2014 đến ngày 01/3/2015; Ngày 20/4/2016, ông Nguyễn Thanh H vay bà Y số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận: 2,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 18/4/2016 đến ngày 18/10/2016. Mục đích vay tiền, là cá nhân ông H dùng để đầu tư làm vốn kinh doanh, tuy nhiên do ông H làm ăn thất bại, không có khả năng tiền trả lãi và nợ gốc như thỏa thuận, nên bà Y không lấy tiền lãi chỉ yêu cầu ông H trả lại tiền nợ gốc. Từ khi vay tiền đến năm 2023, ông Nguyễn Thanh H đã trả cho bà Y được số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 160.000.000 đồng, sau đó trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù, bà Y nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng ông H vẫn không trả là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay tiền theo quy định của pháp luật. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền nợ gốc còn nợ và không yêu cầu trả lãi là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Mai Thị Hoàng Y.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả lại cho bà Mai Thị Hoàng Y số tiền nợ gốc đã vay là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Mai Thị Hoàng Y có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Thanh H không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng ông H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 8.000.000 đồng buộc ông Nguyễn Thanh H phải nộp theo quy định. Trả lại cho bà Mai Thị Hoàng Y số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0005460 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Cao Văn Thiên